TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2023/DS-PT
Ngày: 15/6/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 773/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1977; *(có mặt)*

1.2. Ông Lê Khiết T, sinh năm 1962; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1957;

2.2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 145E ấp T, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; *(có mặt)*

3.2. Bà Cao Thị Kim P, sinh năm 1977; *(có mặt)*

3.3. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1988;

3.4. Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1984; *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.5. Bà Lê Hồng N, sinh năm 1980; *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 256/2, tổ 7, khu phố 2, phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phong:* Ông Lê Khiết T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

* ***Người kháng cáo*:** Ông Lê Văn S, bà Dương Thị H - bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/3/2021 của nguyên đơn ông Trần Văn S, ông Lê Khiết T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày*:

Phần đất ông Trần Văn S tranh chấp với hộ ông Lê Văn S là thửa 1506, tờ bản đồ số 2, diện tích 900m^2 (nay là thửa 236, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.047,3m^2), đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Trần Văn H vào năm 1998. Năm 2011 đo đạc Vlap chỉ có ông Lê Văn S chỉ đo không có sự chứng kiến của ông Trần Văn S nhưng có ra Ủy ban nhân dân xã L ký tên biên bản, do hiện trạng mương sử dụng không có thay đổi về hiện trạng nên ông Trần Văn S đồng ý. Từ trước năm 1998 đến năm 2019, bà Lê Ngọc S là người trực tiếp canh tác đất thửa 226 cũng là người đứng ra chỉ ranh để bên ông Trần Văn S xây T kè thành mộ và thống nhất lấy T này làm ranh giữa hai bên. Trước đây, phía nguyên đơn cũng thường xuyên móc mương này để bồi đắp mộ hằng năm nhưng về sau mương lở nhiều nên nguyên đơn cũng ít móc mương, mương hiện trạng là mương lạng. Hiện nay, giữa các thửa đất không còn trụ ranh do đất giáp tuyến tránh Quốc lộ 60 đang làm. Từ trước đến nay mương này là mương ranh, mỗi bên sử dụng ½ mương. Đến sau khi bà S chết thì ông Lê Văn S đến canh tác đất căng dây qua thửa 236 và kéo lên cả phần mộ của người chết, đồng thời ông Lê Văn S và con ông S là Lê Tuấn K chặt đốn cây trồng là quau, lá dừa nước hết phần mương ranh vì ông S cho rằng nguyên cả mương ranh là của ông S nên mới xảy ra tranh chấp. Nay ông Trần Văn S yêu cầu hộ

ông Lê Văn S, bà Dương Thị H trả lại phần đất có diện tích 94,3m^2 theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2021 là thửa 226A. Nguyên đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng (lá dừa nước và quau) mà ông Lê Văn S và con ông S là Lê Tuấn K đã chặt đốn. Nguyên đơn thống nhất biên bản thẩm định tại chỗ và định giá không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Phần đất của ông T thuộc thửa 1509+1510, tờ bản đồ số 2, diện tích 800m^2 (nay là thửa 206, tờ bản đồ số 10, diện tích 778,8m^2), tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Lê Khiết T. Nguồn gốc đất này là do ông T nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị H, bà H là người cùng ấp, nhận chuyển nhượng vào năm nào thì không nhớ rõ, khi nhận chuyển nhượng thì có mương ranh, mỗi người sử dụng ½ mương, hiện trạng sử dụng có sự thay đổi do ông T bơm cát lắp mương ranh, khi bơm cát có hỏi ông Lê Văn S, ông S còn hứa là sẽ phụ tiên bơm cát là 5.000.000 đồng nhưng đến nay ông S vẫn chưa trả số tiền mà ông S đã hứa. Việc ông xây hàng rào có sự chứng kiến của ông S và bà H, việc đổ đà để làm hàng rào kéo dài khoảng một tuần các bên không có ý kiến hay tranh chấp gì nhưng đến khi ông Lê Văn S và bà Dương Thị H kéo dây đến phần đất là thổ mộ của gia đình ông Trần Văn S và chặt đốn cây trồng chiếm hết phần mương ranh thì mới xảy ra tranh chấp. Từ trước đến khi bà S chết thì bà S là người canh tác đất, các bên thỏa thuận mương ranh nên không có xảy ra tranh chấp. Do ranh giới giữa các thửa đất là ranh thẳng nên ông Lê Văn S yêu cầu ông T dừng lại việc xây dựng hàng rào làm ảnh hưởng đến tài sản của ông T là hiện phần sắt thép chờ thành phẩm đã bị hư hỏng vì mục sét nên không còn sử dụng được nữa. Nay ông T yêu cầu hộ ông Lê Văn S và bà Dương Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm 9,2m^2 thửa 226B theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2021 và bồi thường phần sắt thép chờ thành phẩm theo giá của Hội đồng định giá. Ông T xin rút yêu cầu đối với phần yêu cầu bồi thường tiền công và vật liệu khác cũng như yêu cầu Tòa án xem xét phần trượt giá sắt thép. Ông đồng ý biên bản thẩm định tại chỗ và định giá không có ý kiến hay khiếu nại gì.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Phần đất thửa 1511+1512, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 226, tờ bản đồ số 10), tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre, năm 1998 ông Lê Văn S và bà Dương Thị H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất này. Nguồn gốc phần đất này là năm 1994 ông Lê Văn S và bà Dương Thị H nhận chuyển nhượng từ bà Lê Ngọc S (bà S là cô ruột của ông S). Thời điểm này, Nhà nước chưa cho mua bán, chuyển nhượng đất đai nên không có đo đạc, diện tích khoảng là 2.300m^2, chưa có lộ liên xã L như hiện nay chỉ là

lộ đất, lúc bà S canh tác thì bà S có đóng thuế đến năm 1992, do bà S không còn chồng con nên tuy chuyển nhượng thửa đất này từ năm 1994 nhưng bà S vẫn là người trực tiếp quản lý canh tác đối với thửa đất 226. Đến năm 2019, bà S chết thì ông S và H có đến thu hoạch dừa trái nhưng không có tác động làm thay đổi hiện trạng đất. Khi nhận chuyển nhượng, bà S có trực tiếp chỉ ranh giáp với ông H (nay là ông Trần Văn S) và phần đất giáp ranh ông T là nguyên mương, mương giáp ranh chứ không phải là mương ranh, mương này có chiều rộng đáy 01m. Nguyên nhân là lúc bà S mua là đất ruộng, mua năm 1974, lúc đó phía ông H đã lên bờ trước, lúc lên mương thì bà S bỏ luôn bờ ranh nên toàn bộ mương là của bà S, khi lên mương bà S trồng mía nên mỗi năm mỗi móc mương bồi bùn, đến khi trồng dừa thì cũng móc mương mỗi năm, có khi ông hai H xin mới cho móc mương. Đến năm 2014, sau khi đo đạc Vlap thì ông S được cấp đổi diện tích tăng lên từ 1.500m^2 đến 1.741,3m^2 ông không có thắc mắc khiếu nại gì vì lúc mua là 2.300m^2 nhưng do làm lộ nên chỉ còn 1.500m^2, ông cũng không thắc mắc, còn bao nhiêu ông sử dụng bấy nhiêu. Năm 2016, Nhà nước có thu hồi một phần thửa 226 để làm tuyến tránh Quốc lộ 60, do đất lúc này bà S còn quản lý nên ông S không biết là đo đạc hết thửa đất hay chỉ đo đạc phần đất được thu hồi, ông S là người nhận tiền bồi thường đối với đất bị thu hồi, ông S còn lại diện tích 1.484,8m^2 ông S cũng không có ý kiến gì do Nhà nước cấp bao nhiêu ông sử dụng bấy nhiêu. Từ khi nhận chuyển nhượng đến trước khi xảy ra tranh chấp, ông S và bà H chưa trực tiếp canh tác đất ngày nào, đến khi canh tác đất và căng dây kéo theo ranh đất Vlap cũng như ranh theo bà S chỉ năm 1994 (ông chỉ hết phần mương làm ranh) thì xảy ra tranh chấp. Phần hiện trạng ranh giới đất giữa các thửa đất không có thay đổi, hiện trạng hiện nay là mương lạng, phần mép mương giáp thửa 226 không bị lở do có hàng dừa bà S trồng khoảng 30 năm đến 40 năm nay và cũng do được trồng nhiều dừa phía giáp thửa 226 vẫn giữ nguyên hiện trạng bờ, còn thửa 236 phần đất bị lở rất nhiều nên hiện nay mặt mương rất rộng có đoạn khoảng 03m đến 04m. Nay ông S và bà H không đồng ý hoàn trả diện tích 94,3m^2 theo yêu cầu của ông Trần Văn S vì không có lấn ranh. Từ trước đến nay các bị đơn sử dụng đúng ranh theo Vlap đo không có thay đổi. Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2021 thì một phần bờ kè mộ phía ông S đã lấn qua đất của các bị đơn, các bị đơn đồng ý giữ nguyên hiện trạng mà không yêu cầu tháo dỡ hay di dời đối với phần này vì ảnh hưởng đến người chết. Việc nguyên đơn cho rằng thành bờ kè là ranh là không đúng vì lúc bà S chỉ làm thành bờ kè đến đâu thì xây đến đó chứ theo bị đơn được biết không phải xây thành bờ kè để xác định ranh giới giữa hai thửa đất. Từ điểm D kéo về hướng điểm B (điểm cuối đoạn có chiều dài 10,62m) tính qua hướng Đông đoạn giáp thửa 226 là mương cách bờ dừa khoảng hơn 01m, bị đơn không

xác định được dòng chảy. Nguyên đơn cho rằng, bị đơn kéo dây lấn lên cả phần mộ là không đúng. Đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản là cây trồng do ông S, anh K gây ra nhưng nguyên đơn đã rút yêu cầu thì bị đơn cũng không có ý kiến.

Đối với phần đất giáp ranh ông T trước đây là mương thẳng từ đầu đất ông Trần Văn S, nguyên mương là của bị đơn, cách nay khoảng hơn 05 năm thì ông T có hỏi bơm cát cất nhà nên hiện trạng mương không còn, khi bơm cát ông T có hỏi ông S và đề nghị ông S hỗ trợ tiền cát bơm nhưng thời điểm này bà S hưởng huê lợi trên đất nên ông S có nói để sau này tính nhưng tính đến thời điểm này ông S vẫn chưa được hưởng huê lợi từ thửa đất 226, bị đơn thống nhất đường ranh Vlap đo đạc. Ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông T, phần hàng rào phía ông T tự xây nếu qua phần đất của ông thì ông T phải tự đập bỏ, ông không có bồi thường. Lúc ông T làm hàng rào có báo với ông S, do ông S nghĩ là có trụ ranh Vlap rồi nên ông T cứ xây đến khi ông S xuống xem thì ông S phát hiện ông T xây dựng lấn qua phần đất của ông S, ông S yêu cầu ông T dừng việc xây hàng rào lại. Phần đất thửa 226 đoạn giáp ranh thửa 206 hiện còn 02 cây dừa khoảng 30 năm đến 40 năm tuổi, khoảng cách từ trụ hàng rào đến mép mương hướng thửa 226 bị đơn không xác định được do không có đo nên không biết khoảng cách cụ thể. Nay ông T yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm 9,2m^2 thửa 226B theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất và bồi thường phần sắt thép chờ thành phẩm theo giá của Hội đồng định giá, các bị đơn không đồng ý vì đất tranh chấp Nhà nước cấp cho bị đơn, việc ông T xây lấn ranh thì tự tháo dỡ, di đời, các bị đơn không lấn ranh nên không trả đất cũng không có lỗi nên không bồi thường theo yêu cầu của ông T. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với các nguyên đơn, đồng ý biên bản thẩm định tại chỗ và định giá, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc yêu cầu hộ ông Lê Văn S (gồm ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, chị Lê Hồng N và anh Lê Tuấn K) phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 94,3m^2 (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2021 là thửa 226A) thuộc một phần thửa 236, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khiết T về việc yêu cầu hộ ông Lê Văn S (gồm ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, chị Lê Hồng N và anh Lê

Tuấn K) phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 9,2m^2 (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2021 là thửa 226B) thuộc một phần thửa 206, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S về việc yêu cầu ông Lê Văn S và anh Lê Tuấn K bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng (lá dừa nước và quau).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Khiết T về việc yêu cầu ông Lê Văn S bồi thường tiền công và vật liệu khác cũng như yêu cầu Tòa án xem xét phần trượt giá sắt thép.

Buộc ông Lê Văn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về khung thép chờ thành phẩm cho ông Lê Khiết T số tiền 810.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/10/2022, bị đơn ông Lê Văn S, bà Dương Thị H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Bị đơn ông Lê Văn S, bà Dương Thị H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Bị đơn không lấn chiếm đất của các nguyên đơn nên cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả đất là không phù hợp. Bị đơn quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp là theo đúng ranh địa chính theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phù hợp với họa đồ hiện trạng thửa đất. Bị đơn đồng ý giữ nguyên hiện trạng nền mộ của gia đình ông Trần Văn S có chiều dài 10,62m nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Khi bị đơn đồng ý để ông T xây hàng rào có yêu cầu ông T căn cứ theo ranh Vlap mà xây nhưng ông T lại xây lấn qua đất của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo

hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

** Nguyên đơn ông Trần Văn S, ông Lê Khiết T trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Cao Thị Kim P trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng N trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của ông Lê Văn S, bà Dương Thị H và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất có diện tích 94,3m^2, ký hiệu là thửa 226A và diện tích 9,2m^2, ký hiệu là thửa 226B, cùng tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông Trần Văn S và ông Lê Khiết T khởi kiện yêu cầu hộ ông Lê Văn S phải trả lại cho các ông phần diện tích đất đã lấn chiếm nêu trên vì cho rằng ranh giới giữa các thửa đất được xác định là ½ mương. Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng toàn bộ mương là đất của bị đơn và bị đơn đã sử dụng đúng ranh theo đo đạc Vlap.

[2] Xét thấy, vào ngày 28/3/1998, Ủy ban nhân dân huyện C (nay là B) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lê Văn S đối với thửa 1511, 1512, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.500m^2 (nay là thửa 226, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.484,8m^2); cấp cho hộ ông ông Trần Văn H, bà Bùi Thị B trong đó có thửa 1506, tờ bản đồ số 2, diện tích 900m^2 (nay là thửa 236, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.046,6m^2 do hộ ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/5/2014) và cấp cho ông Lê Khiết T, trong đó có thửa 1509, 1510, tờ bản đồ số 2, diện tích 800m^2 (nay là thửa 206, tờ bản đồ số 10, diện tích 778,8m^2). Khi ông Lê Văn S tiến hành thủ tục đo đạc để cấp đổi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất theo số liệu chính quy, các chủ giáp ranh liền kề trong đó có ông Trần Văn H, ông Lê Khiết T đều thống nhất ký tên vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 01/9/2012. Ngoài ra, chứng cứ này cũng phù hợp với công văn 126/CNMCB-KTĐĐ ngày 24/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B khi xác định việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ địa chính chính quy (theo Vlap) do quá trình đo đạc sau này được xác định lại ranh giới, mốc giới theo hiện trạng giữa các chủ sử dụng đất đã có sự thỏa thuận cắm lại ranh giới, mốc giới khác với hồ sơ địa chính quản lý vào năm 1998.

[3] Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất, phần đất tranh chấp ký hiệu thửa 226A, 226B là thuộc một phần thửa 226 của ông Lê Văn S. Ngoài ra, không tính diện tích đất đang tranh chấp thì các thửa 236 của ông Trần Văn S và thửa 206 của ông Lê Khiết T đều đủ diện tích đất theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các ông được cấp.

[4] Vào thời điểm ông Trần Văn S xây thành bờ kè thổ mộ thì bà Lê Ngọc S còn sống và đang trực tiếp canh tác, quản lý thửa 226. Bà S, ông Lê Văn S và bà Dương Thị H đều biết nhưng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình giải quyết vụ án, hộ ông Lê Văn S tự nguyện giữ nguyên hiện trạng thành bờ kè thổ mộ của gia đình ông Trần Văn S theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất là từ điểm D kéo về hướng điểm B điểm cuối đoạn có chiều dài 10,62m thuộc một phần thửa đất ký hiệu 226A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với thửa 206 ông T đang quản lý, sử dụng, mặc dù chủ đất cũ là bà Nguyễn Thị H xác nhận giữa thửa 206 và thửa 226 có mương ranh nhưng bà không biết mương dài rộng và lòng mương bao nhiêu. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì phần mương này hiện trạng đã được ông T bơm cát nên không xác định được ½ mương theo ông T trình bày là có vị trí cụ thể như thế nào. Ông T chỉ xác định ranh dựa trên thành bờ kè mộ của gia đình ông Trần Văn S xây mà không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Trên phần đất tranh chấp ký hiệu 226B diện tích 9,2m^2 có công trình, vật kiến trúc và phần cát bơm của ông T. Tại phiên tòa, ông T cho rằng ông đã bơm cát với số tiền 12.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trước đó phía bị đơn đã đồng ý cho ông T bơm cát nên buộc bị đơn hoàn lại số tiền này cho ông T là phù hợp. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về phần khung thép chờ thành phẩm, do ông T xây không đúng vị trí ranh nên ông Lê Văn S yêu cầu dừng lại việc xây dựng là có cơ sở, vì vậy buộc hộ ông T phải tháo dỡ, di dời các công trình, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp và ông Lê Văn S không phải bồi thường thiệt hại cho ông T.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn S, bà Dương Thị H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Văn S, bà Dương Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, bà Dương Thị H.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số số 91/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện B. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 175, 186, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc yêu cầu hộ ông Lê Văn S (gồm ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, chị Lê Hồng N và anh Lê Tuấn K) phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 94,3m^2 (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 226A) thuộc một phần thửa 226, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Có Họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khiết T về việc yêu cầu hộ ông Lê Văn S (gồm ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, chị Lê Hồng Nhung và anh Lê Tuấn Kiệt) phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 9,2m^2 (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 226B) thuộc một phần thửa 226, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Có Họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S về việc yêu cầu ông Lê Văn S và anh Lê Tuấn Kiệt bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng (lá dừa nước và quau).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Khiết T về việc yêu cầu ông Lê Văn S bồi thường tiền công và vật liệu khác cũng như yêu cầu Tòa án xem xét phần trượt giá sắt thép.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của hộ ông Lê Văn S (gồm ông Lê Văn S, bà Dương Thị H, chị Lê Hồng Nhung và anh Lê Tuấn Kiệt) giữ nguyên hiện trạng thành bờ kè thổ mộ của gia đình ông Trần Văn S, theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất là từ điểm D kéo về hướng điểm B điểm cuối đoạn có chiều dài 10,62m thuộc một phần thửa đất ký hiệu 226A, nên không buộc ông Trần Văn S phải phá dỡ hay di dời.

(Có Họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

6. Buộc hộ ông Lê Khiết T phải tháo dỡ, di dời các công trình, vật kiến trúc gồm đà bê tông cốt thép 1,14m^3, trụ bê tông cốt thép 0,033m^3, T xây gạch ống diện tích 1,48m^2, khung thép chờ thành phẩm trên phần đất tranh chấp theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 226B, diện tích 9,2m^2 thuộc một phần thửa 226, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

7. Buộc ông Lê Văn S, bà Dương Thị H hoàn trả tiền cát bơm cho ông Lê Khiết T số tiền 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: số tiền 6.675.000 đồng, ông Trần Văn S và ông Lê Khiết T đã nộp xong.

9. Về án phí dân sự:

9.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn S phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003830 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003833 ngày 20/11/2020 và 900.000 đồng theo biên lai thu số 0006197 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Khiết T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí. Hoàn trả cho ông Lê Khiết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0003831 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003832 cùng ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn S, bà Dương Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

9.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn S, bà Dương Thị H không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện B (1b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (7b);
- Lưu hồ sơ (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt